



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN TĨNH GIA**

Số: 319/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tĩnh Gia, ngày 10 tháng 01 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 Khu thương mại dịch vụ,  
nghỉ dưỡng Hoàng Tuấn tại xã Ninh Hải, huyện Tĩnh Gia**

### **CHỦ TỊCH UBND HUYỆN TĨNH GIA**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/09/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính Phủ về  
lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 Quy định hồ sơ  
của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy  
hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 1699/QĐ-TTg ngày 07/12/2018 của Thủ tướng  
Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh mở rộng quy hoạch chung Khu kinh tế Nghi  
Sơn đến năm 2035, tầm nhìn 2065;

Căn cứ Quyết định số 624/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của UBND tỉnh  
Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu thương mại dịch vụ,  
nghỉ dưỡng Hoàng Tuấn.

Căn cứ Văn bản số 14266/UBND-CN ngày 22/10/2019 của Chủ tịch  
UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao UBND huyện Tĩnh Gia tổ chức thẩm định,  
phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu thương mại dịch vụ, nghỉ  
dưỡng Hoàng Tuấn tại xã Ninh Hải, huyện Tĩnh Gia.

Xét đề nghị của Công ty TNHH Hoàng Tuấn tại Tờ trình số 68/TTr-HT  
ngày 11/11/2019, Tờ trình số 334/TTr-KTHT ngày 30 /12/2019 của phòng Kinh  
tế và Hạ Tầng, về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu  
thương mại dịch vụ, nghỉ dưỡng Hoàng Tuấn tại xã Ninh Hải, huyện Tĩnh Gia,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu thương  
mại dịch vụ, nghỉ dưỡng Hoàng Tuấn tại xã Ninh Hải, huyện Tĩnh Gia với các  
nội dung chủ yếu sau:

**1. Tên đồ án:** Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu thương mại  
dịch vụ, nghỉ dưỡng Hoàng Tuấn.

**2. Chủ đầu tư:** Công ty TNHH Hoàng Tuấn.



### 3. Phạm vi ranh giới, diện tích lập quy hoạch:

Khu đất nghiên cứu lập QHCT tỷ lệ 1/500 thuộc địa giới hành chính xã Ninh Hải, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, thuộc lô DL-09 theo Quy hoạch Điều chỉnh, mở rộng QHC Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050. Khu đất có ranh giới cụ thể như sau:

Phía Bắc: Giáp đường quy hoạch;

Phía Nam: Giáp phần còn lại của lô DL-09;

Phía Tây: Giáp đường bộ ven biển;

Phía Đông: Giáp đường quy hoạch.

### 4. Tính chất, quy mô:

- Là khu thương mại dịch vụ, nghỉ dưỡng.
- Quy mô lập quy hoạch chi tiết: 83.320,6m<sup>2</sup>.

### 5. Quy hoạch sử dụng đất:

**BẢNG TỔNG HỢP CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT**

STT	Mục đích sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Hệ số SDD (lần)	Mật độ XD (%)	Tầng cao (tầng)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	<b>Tổng diện tích đất lập quy hoạch (A+B)</b>		<b>83.320,6</b>				<b>100,00</b>
<b>I</b>	<b>Đất khu điều hành, bán hàng lưu niệm và công trình phụ trợ (Khu A)</b>		<b>12.025,0</b>	<b>0,29</b>	<b>24,20</b>	<b>1-2</b>	<b>14,43</b>
1	Đất nhà điều hành	DH	902,0	1,18	58,98	2	1,08
2	Đất nhà đón tiếp, hướng dẫn	HD	549,6	0,36	35,66	1	0,66
3	Đất nhà bán đồ lưu niệm, ăn nhanh	DV	779,3	0,45	44,91	1	0,94
4	Đất nhà kho, garage sửa chữa ô tô	PT1	714,4	0,62	61,59	1	0,86
5	Đất nhà để xe, nhà trực, phụ trợ	PT2	2.753,3	0,51	50,56	1	3,30
6	Đất bãi đỗ xe	P	3.261,3	-	-	-	3,91
7	Đất cây xanh 9	CX9	685,0	-	-	-	0,82
8	Đất sân đường nội bộ		2.380,1	-	-	-	2,86
<b>II</b>	<b>Đất khu hội nghị, tổ chức sự kiện (Khu B)</b>	<b>HN</b>	<b>7.999,7</b>	<b>0,50</b>	<b>25,00</b>	<b>2</b>	<b>9,60</b>
<b>III</b>	<b>Đất khu khuôn viên cảnh quan (Khu C)</b>		<b>16.221,4</b>	<b>0,02</b>	<b>2,04</b>	<b>1</b>	<b>19,47</b>
1	Đất hồ nước	MN	8.587,8	-	-	-	10,31
2	Đất cây xanh 6	CX6	3.857,4	0,07	7,28	1	4,63
3	Đất cây xanh 7	CX7	521,0	0,05	4,80	1	0,63
4	Đất cây xanh 8	CX8	1.013,7	0,03	2,47	1	1,22

5	Đất sân đường nội bộ		2.241,5	-	-	-	2,69
<b>IV</b>	<b>Đất khu nghỉ dưỡng (Khu D)</b>		<b>29.325,0</b>	<b>0,94</b>	<b>28,50</b>	<b>1 - 9</b>	<b>35,20</b>
1	Đất tổ hợp nhà hàng - khách sạn ngọc trai 1	KS1	2.855,7	3,68	52,53	9	3,43
2	Đất tổ hợp nhà hàng - khách sạn ngọc trai 2	KS2	2.855,7	3,68	52,53	9	3,43
3	Đất trung tâm game, chiếu phim	G-CP	2.662,6	0,90	45,07	2	3,20
4	Đất tổ hợp spa, yoga, chăm sóc sức khỏe	SPA	1.927,3	0,32	32,22	1	2,31
5	Đất bungalow 1	BGL1	1.418,7	0,32	31,72	1	1,70
6	Đất bungalow 2	BGL2	3.859,2	0,23	23,32	1	4,63
7	Đất khu vui chơi thiếu nhi	VC	808,8	0,18	18,54	1	0,97
8	Đất bar clup, bể bơi	BB	2.501,2	0,86	85,96	1	3,00
9	Đất cây xanh 1	CX1	2.168,9	-	-	-	2,60
10	Đất cây xanh 2	CX2	1.703,6	-	-	-	2,04
11	Đất cây xanh 3	CX3	962,1	-	-	-	1,15
12	Đất cây xanh 4	CX4	203,6	0,04	4,40	1	0,24
13	Đất cây xanh 5	CX5	646,8	0,06	5,57	1	0,78
14	Đất sân đường nội bộ		4.750,8	-	-	-	5,70
<b>V</b>	<b>Đất khu ẩm thực (Khu E)</b>	<b>AT</b>	<b>6.540,0</b>	<b>0,62</b>	<b>30,83</b>	<b>2</b>	<b>7,85</b>
<b>VI</b>	<b>Đất giao thông</b>		<b>11.182,5</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>13,42</b>

\* Mật độ xây dựng tối đa trên khu thương mại, dịch vụ nghỉ dưỡng là 25%.

## 6. Phân khu chức năng:

### 6.1. Khu A - Khu điều hành, bán hàng lưu niệm và công trình phụ trợ:

Khu A bao gồm các công trình: Nhà điều hành (01 nhà); Nhà đón tiếp, hướng dẫn (01 nhà); Nhà bán đồ lưu niệm, ăn nhanh (01 nhà); Nhà kho các loại, garage sửa chữa ô tô (01 nhà); Nhà để xe (01 nhà); Nhà trục (02 nhà); Ngoài ra còn có hệ thống cây xanh, sân đường nội bộ và bãi đỗ xe.

- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của khu A:

+ Diện tích khu đất: 12.025 m<sup>2</sup>; trong đó:

+ Tổng diện tích xây dựng: 2.910 m<sup>2</sup>;

+ Tổng diện tích sàn xây dựng: 3.442 m<sup>2</sup>;

+ Diện tích cây xanh: 3.316 m<sup>2</sup>;

+ Diện tích sân đường nội bộ, bãi đỗ xe: 5.799 m<sup>2</sup>;

+ Mật độ xây dựng: 24,2%; Tầng cao: 1-2 tầng; Hệ số SĐĐ: 0,29 lần.

### 6.2. Khu B - Khu hội nghị, tổ chức sự kiện:

Khu B bố trí Trung tâm hội nghị, tổ chức sự kiện (01 nhà) và hệ thống cây xanh, sân đường nội bộ.

- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của khu B:

+ Diện tích khu đất: 7.999,7 m<sup>2</sup>; trong đó:

+ Tổng diện tích xây dựng: 2.000 m<sup>2</sup>;

+ Tổng diện tích sàn xây dựng: 4.000 m<sup>2</sup>;

+ Diện tích cây xanh: 2.338 m<sup>2</sup>;

- + Diện tích sân đường nội bộ: 3.661,7 m<sup>2</sup>;
- + Mật độ xây dựng: 25%; Tầng cao: 2 tầng; Hệ số SDD: 0,5 lần.

### **6.3. Khu C - Khu khuôn viên cảnh quan:**

Khu C bao gồm các công trình: Quán giải khát (01 nhà); Chòi nghỉ chân (06 chòi); Ngoài ra còn có quảng trường, hồ nước, cây xanh và sân đường nội bộ.

- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của khu C:

- + Diện tích khu đất: 16.221,4 m<sup>2</sup>; trong đó:
- + Tổng diện tích xây dựng: 331 m<sup>2</sup>;
- + Tổng diện tích sàn xây dựng: 331 m<sup>2</sup>;
- + Diện tích cây xanh, hồ nước: 12.695,5 m<sup>2</sup>;
- + Diện tích sân đường nội bộ: 3.194,9 m<sup>2</sup>;
- + Mật độ xây dựng: 2,04%; Tầng cao: 1 tầng; Hệ số SDD: 0,02 lần.

**6.4 Khu D – Khu nghỉ dưỡng, bao gồm các công trình:** Trung tâm game, chiếu phim (01 nhà); Tổ hợp nhà hàng, khách sạn Ngọc trai (02 nhà); Bar clup (01 nhà); Pool party (01 bể); Khu vui chơi thiếu nhi; Tổ hợp Spa, yoga, chăm sóc sức khỏe (01 tổ hợp); Bungalow đôi (05 nhà); Bungalow đơn (08 nhà); Chòi nghỉ (05 chòi); Đài phun nước. Ngoài ra còn có hệ thống cây xanh và sân đường nội bộ.

- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của khu D - Khu nghỉ dưỡng:

- + Diện tích khu đất: 29.325 m<sup>2</sup>; trong đó:
- + Tổng diện tích xây dựng: 8.366 m<sup>2</sup>;
- + Tổng diện tích sàn xây dựng: 27.566 m<sup>2</sup>;
- + Diện tích cây xanh, hồ nước: 14.555 m<sup>2</sup>;
- + Diện tích sân đường nội bộ: 6.404 m<sup>2</sup>;
- + Mật độ xây dựng: 28,5%; Tầng cao: 1-9 tầng; Hệ số SDD: 0,94 lần.

### **6.5. Khu E – Khu ẩm thực:**

Khu E bố trí các nhà ẩm thực (24 nhà) và hệ thống cây xanh, sân đường nội bộ.

- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của khu E:

- + Diện tích khu đất: 6.540 m<sup>2</sup>; trong đó:
- + Tổng diện tích xây dựng: 2.016 m<sup>2</sup>;
- + Tổng diện tích sàn xây dựng: 4.032 m<sup>2</sup>;
- + Diện tích cây xanh: 1.583 m<sup>2</sup>;
- + Diện tích sân đường nội bộ: 2.941 m<sup>2</sup>;
- + Mật độ xây dựng: 30,83%; Tầng cao: 2 tầng; Hệ số SDD: 0,62 lần.

## **7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:**

### **7.1. Chuẩn bị kỹ thuật:**

a) San nền: Do địa hình hiện trạng có cao độ không đồng đều giữa các khu vực nên biện pháp san nền chủ yếu là san gạt, tạo mặt bằng. Hướng dốc chính là hướng Bắc - Nam. Độ dốc san nền trong các ô đất là 0,4% - 1%: không gây mất mỹ quan và thuận lợi cho việc xây dựng công trình.

Thiết kế san nền theo phương pháp đường đồng mức thiết kế, với độ chênh cao giữa 2 đường đồng mức H=0,05m.

b) Thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế chia làm 1 lưu vực. Nước mưa được thu gom bằng các ga thu trực tiếp (khoảng cách các ga thu từ 30-35m) sau đó thoát theo hệ thống rãnh xây B400 – B500 đặt trên đường nội bộ và đầu nối ra công tròn D800 rồi đổ ra sông.

- Mạng lưới thoát nước được bố trí phân tán để giảm kích thước đường rãnh. Độ dốc dọc cống lấy tối thiểu là 1/D và độ sâu đáy rãnh ban đầu H=0,6m.

## 7.2. Quy hoạch giao thông:

Trên cơ sở rà soát hệ thống các tuyến đường giao thông hiện có, cập nhật đồ án quy hoạch và các dự án trong khu vực lập quy hoạch. Đảm bảo tính liên kết của mạng lưới đường giao thông, phù hợp với Quy hoạch chung, quy hoạch ngành giao thông vận tải đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trong và ngoài ranh giới dự án có các tuyến chính như sau:

\* Giao thông đối ngoại: Tuân thủ theo Điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1699/QĐ-TTg ngày 07/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đường bộ ven biển (phía Tây ranh giới quy hoạch) (mặt cắt A-A):

- + Lộ giới : 48.0m
- + Lòng đường chính :  $8.0 \times 2 = 16.0\text{m}$
- + Dải phân cách :  $5.0+3.0+5.0 = 13.0\text{m}$
- + Lòng đường gom :  $5.5 \times 2 = 11.0\text{m}$
- + Vía hè :  $5.0 \times 2 = 10.0\text{m}$

- Đường khu vực (phía Bắc ranh giới quy hoạch) (mặt cắt B-B):

- + Lộ giới : 27.0m
- + Lòng đường chính :  $7.5 \times 2 = 15.0\text{m}$
- + Vía hè :  $6.0 \times 2 = 12.0\text{m}$

- Đường cảnh quan ven biển (phía Đông ranh giới quy hoạch) (mặt cắt C-C):

- + Lộ giới : 29.0m
- + Lòng đường chính :  $8.5 \times 2 = 17.0\text{m}$
- + Dải phân cách : 2.0m
- + Vía hè :  $5.0 \times 2 = 10.0\text{m}$

- Chỉ giới xây dựng: Các công trình xây dựng lùi tối thiểu 6,0m so với chỉ giới đường đỏ các trục đường giao thông.

\* Các tuyến đường nội bộ:

- Tuyến N1 (Mặt cắt 1-1): có chiều dài khoảng 137.2m.

- + Lộ giới : 25.0m
- + Lòng đường xe chạy :  $7.5 \times 2 = 15.0\text{m}$
- + Vía hè :  $5.0 \times 2 = 10.0\text{m}$

- Tuyến D1 (Mặt cắt 2-2): có chiều dài khoảng 221.84m.

- + Lộ giới : 15.5m
- + Lòng đường xe chạy : 7.5m
- + Vía hè :  $4.0 \times 2 = 8.0\text{m}$

- Tuyến N2 và N3 (Mặt cắt 2-2): có tổng chiều dài khoảng 398.5m.

- + Lộ giới : 13.5m
- + Lòng đường xe chạy : 7.5m
- + Vía hè :  $3.0 \times 2 = 6.0\text{m}$

- Chỉ giới xây dựng: Các công trình xây dựng lùi tối thiểu 3,0m so với chỉ giới đường đỏ các trục đường giao thông.

### **7.3. Quy hoạch cấp điện và thông tin liên lạc:**

#### **a) Quy hoạch cấp điện**

- Nguồn điện: Nguồn điện cấp cho khu vực được lấy từ đường dây trung áp 22KV dọc tuyến đường bộ ven biển phía Tây khu đất lập quy hoạch.

- Nhu cầu sử dụng điện: 1.120 KVA.

- Lưới điện: Tuyến điện trung áp 22KV xây dựng mới dự kiến đi ngầm cấp điện đến trạm biến áp xây mới.

- Trạm biến áp: Căn cứ vào nhu cầu sử dụng điện của khu vực nghiên cứu xây dựng mới 01 trạm biến áp có tổng công suất 2x560 KVA. Trạm có kết cấu kiểu trạm kiot.

- Điện hạ thế và chiếu sáng ngoài công trình: Cấp hạ thế từ các trạm biến áp đi ngầm dọc theo các trục đường giao thông nội khu cấp tới các tủ điện phân phối của từng công trình được chôn ngầm đất. Đối với các nhà tủ gom công tơ được bố trí ngoài trời trên vỉa hè, có cấu tạo với cấp bảo vệ IP54 chịu được ảnh hưởng trực tiếp của môi trường. Vị trí tủ gom công tơ được bố trí trên vỉa hè ngay sát vị trí tường giữa lô đất. Trong các tủ bố trí các aptomat nhánh bảo vệ. Các tuyến đường chính trong khu vực được chiếu sáng bằng đèn cao áp S250W lắp trên cột thép cao 11m. Khu vui chơi giải trí và công viên cây xanh dùng các đèn trang trí.

b) Thông tin liên lạc: Trên cơ sở hệ thống hạ tầng kỹ thuật thông tin đã có, đầu nối các tuyến cáp thông tin từ Bru cục trong khu vực để phục vụ thông tin liên lạc cho nhà máy. Dịch vụ viễn thông di động sẽ được ngành Thông tin đầu tư xây dựng theo lộ trình, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng.

### **7.4. Quy hoạch hệ thống cấp nước:**

- Nước cấp cho sinh hoạt và cứu hỏa được lấy từ đường ống D225 dọc tuyến đường bộ ven biển từ nhà máy nước Hao Hao (theo QHC Khu KT Nghi Sơn).

- Nhu cầu dùng nước sinh hoạt:  $190\text{m}^3/\text{ng.đêm}$ .

- Nhu cầu dùng nước cứu hỏa:  $162\text{m}^3/\text{h}$ .

- Mạng lưới cấp nước: Mạng lưới được chọn là mạng cụt kết hợp mạng vòng cấp nước cho nhu cầu sinh hoạt, cứu hỏa và mọi nhu cầu khác.

- Các trụ cứu hỏa ngoài nhà chọn loại nổi D110, khoảng cách mỗi trụ cứu hỏa  $100 \div 150\text{m}/\text{trụ}$ .

### **7.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:**

#### **a) Thoát nước thải:**

- Nhu cầu thải nước của khu vực  $161,5 \text{ m}^3/\text{ng.đ}$ .

- Thoát nước thải được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy, so với hệ thống thoát nước mưa, độ dốc thiết kế đủ lớn sao cho tốc độ chảy trong cống tăng khả năng tự làm sạch :  $i \geq i_{\text{min}} = 1/D$ .

- Nước thải sinh hoạt từ các công trình được xử lý cục bộ ở các bể tự hoại, được thu dẫn theo một mạng lưới riêng biệt về khu xử lý nước thải của dự án, nước thải sau khi đảm bảo các tiêu chuẩn sẽ thoát ra tuyến cống D300 trên tuyến đường bộ ven biển phía Tây ranh giới, sau đó đưa về trạm xử lý nước thải sinh hoạt đô thị Cống.

- Hệ thống thoát nước thải sử dụng rãnh cống tròn D200 – D300, khoảng cách giữa các ga thăm từ 20-40m/1 ga.

b) Vệ sinh môi trường:

- Tiêu chuẩn thải chất thải rắn: 1,5 kg/người/ngày đêm.

- Chỉ tiêu thu gom được: 100%.

- Trong các khu chức năng phải thiết kế các vị trí thu gom rác di động, thu gom rác sinh hoạt hàng ngày trước khi công ty môi trường đô thị thu gom chuyển đến bãi xử lý rác thải của toàn đô thị.

- Trên dọc tuyến đường bố trí các thùng rác nằm dọc tuyến, bán kính phục vụ của mỗi thùng khoảng 25-30m. Các thùng đựng rác cần đặt tại những vị trí dễ nhìn, dễ thấy, ngoài ra còn phải mang tính chất thẩm mỹ.

- Việc xử lý rác thải diễn ra tại khu vực bãi rác của khu kinh tế, trong khu vực chủ yếu chỉ làm công tác thu gom rác thải.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên của các lô đất theo mật độ mà quy hoạch quy định, vừa tạo bóng mát tạo cảnh quan vừa cải tạo môi trường.

### **8. Quy định bảo vệ môi trường:**

- Môi trường nước: Nước thải sinh hoạt trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung phải được xử lý đảm bảo đáp ứng mọi chỉ tiêu bảo vệ môi trường theo yêu cầu của luật pháp Việt Nam .

- Môi trường đất và cảnh quan:

+ Nghiêm cấm việc khai thác cát trên bãi tắm để xây dựng làm ảnh hưởng tới bãi tắm, gây sạt lở xói mòn do xâm thực của thủy triều khiến cho việc trồng cây trong khuôn viên bãi tắm (có chức năng: cây xanh cảnh quan ven biển, chắn cát, cách ly).

+ Trong quá trình hoạt động du lịch dịch vụ trên bãi tắm sẽ có phát sinh các nguồn rác phải có biện pháp giải quyết triệt để cả về ý thức văn hoá du lịch, các chế tài quản lý và biện pháp thu gom xử lý kịp thời triệt để.

- Môi trường sinh thái:

+ Thực hiện các dự án xây dựng phải theo đúng yêu cầu quy hoạch để tránh làm ảnh hưởng tới cấu trúc của khu vực.

+ Thiết kế quy hoạch công viên, cây xanh cảnh quan,...ngoài mục đích phục vụ dân chúng nghỉ ngơi, giải trí còn làm phong phú đa dạng thêm hệ sinh thái của khu vực.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

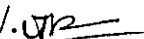
1. Công ty TNHH Hoàng Tuấn có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu thương mại dịch vụ, nghỉ dưỡng Hoàng Tuấn để các tổ chức và nhân dân biết, thực hiện và giám sát thực hiện.


- Hoàn chỉnh hồ sơ theo nội dung phê duyệt, tổ chức thực hiện quy hoạch đã phê duyệt.

2. Các Phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường; UBND Ninh Hải và các đơn vị có liên quan theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện quy hoạch và theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế - Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND xã Ninh Hải, Công ty TNHH Hoàng Tuấn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / 

**Nơi nhận:**

- Như điều 3QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Sở Xây dựng Thanh Hóa;
- Lưu: VP, KTHT 



  
Nguyễn Tiến Dũng